

Số: 61 /KH-UBND

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 9 năm 2014

**KẾ HOẠCH**

**TUYÊN DỤNG VIÊN CHỨC CÁC ĐƠN VỊ TRƯỜNG HỌC  
VÀ CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC UBND HUYỆN ĐỢT 2 NĂM 2014**

**I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/04/2012 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2013 hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BNV ngày 28/12/2012 ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức; Quy chế thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức và Nội quy kỳ thi tuyển, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Căn cứ Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Bình về một số chủ trương trong công tác tổ chức cán bộ tại Thông báo số 666-TB/TU ngày 03/4/2014;

Căn cứ Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 04/7/2012 của UBND tỉnh Quảng Bình ban hành quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Công văn số 559/SNV-CCVC ngày 08/5/2013 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung về tuyển dụng, thay đổi chức danh nghề nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng viên chức theo Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 04/7/2012 của UBND tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Công văn số 715/SNV-CCVC ngày 13/6/2014 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình về việc tuyển chọn công chức, viên chức từ sinh viên tốt nghiệp đại học loại giỏi, xuất sắc; Công văn số 1161/SNV-CCVC ngày 12/9/2014 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình về việc hướng dẫn quy trình tuyển dụng viên chức theo Thông báo số 666-TB/TU;

Căn cứ Quyết định số 70/QĐ-SNV ngày 18/3/2014 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt chỉ tiêu biên chế sự nghiệp tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 26/02/2014 và Quyết định số 491/QĐ-UBND ngày 04/6/2014 của UBND huyện Quảng Ninh về việc giao chỉ tiêu biên chế các đơn vị sự nghiệp và các trường học năm 2014;

Căn cứ vào đề nghị của các cơ quan, đơn vị có nhu cầu tuyển dụng viên chức.

## II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

### 1. Nguyên tắc xét tuyển:

Bảo đảm công khai minh bạch, công bằng, khách quan và đúng pháp luật; tuyển chọn đúng người đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm;

Việc tuyển dụng do Hội đồng tuyển dụng thực hiện căn cứ vào vị trí việc làm, chỉ tiêu biên chế sự nghiệp được giao cho đơn vị sự nghiệp; cơ cấu chức danh, điều kiện, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của từng chức danh cần tuyển dụng và nguyện vọng đăng ký xét tuyển.

Hội đồng tuyển dụng làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số. Mọi quyết định của Hội đồng được thông qua tại các buổi họp do Chủ tịch Hội đồng điều khiển.

Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành công tác tuyển dụng.

### 2. Điều kiện, tiêu chuẩn tham dự tuyển dụng

Những người có đủ các điều kiện sau đây:

#### 2.1. Điều kiện chung:

- Là công dân Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Quảng Bình từ 5 năm trở lên;

- Từ đủ 18 tuổi trở lên;

- Có đơn đăng ký dự tuyển;

- Có lý lịch rõ ràng;

- Có đủ sức khỏe để làm việc;

\* Riêng các trường Mầm non, Tiểu học và THCS ở địa bàn xã Trường Sơn (là xã miền núi, đặc biệt khó khăn và là xã biên giới), do đó chỉ tuyển những người có hộ khẩu thường trú từ 03 năm trở lên ở xã Trường Sơn (tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển).

\* **Đối với tuyển chọn thông qua xét kết quả học tập theo Thông báo số 666-TB/TU ngày 03/4/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, yêu cầu điều kiện như sau:** Tốt nghiệp đại học loại giỏi hoặc xuất sắc, hệ chính quy công lập, có điểm tuyển đầu vào từ 18 điểm trở lên (điểm thi 3 môn, hệ số 1) thuộc các trường đại học trong nước (nếu có bằng thạc sỹ hoặc tiến sỹ thì trước đó phải tốt nghiệp đại học chính quy công lập loại giỏi); Tốt nghiệp đại học loại giỏi hoặc xuất sắc ở nước ngoài, trước đó có điểm thi tuyển đầu vào các trường đại học trong nước từ 18 điểm trở lên (điểm thi 3 môn, hệ số 1); Có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Quảng Bình từ 5 năm trở lên; Tuổi đời không quá 30 tuổi (nếu là tiến sỹ không quá 40 tuổi).

#### 2.2. Điều kiện về văn bằng, chứng chỉ:

Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp với từng vị trí việc làm cần tuyển dụng: Cụ thể quy định tại phụ lục 2 đính kèm.

#### 2.3. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức:

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

### **3. Chỉ tiêu, vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp:**

**3.1. Chỉ tiêu tuyển dụng:** 138 chỉ tiêu.

*(Có biểu phụ lục 1 đính kèm)*

**3.2. Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển:**

*(Có biểu phụ lục 2 đính kèm).*

### **4. Hình thức, nội dung tuyển dụng:**

**4.1. Hình thức:** Tuyển chọn theo Thông báo số 666-TB/TU ngày 03/4/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

#### **\* Nội dung tuyển chọn:**

Thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 1161/SNV-CCVC ngày 12/9/2014 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình về việc hướng dẫn quy trình tuyển dụng viên chức theo Thông báo số 666-TB/TU.

Hồ sơ tuyển chọn theo Thông báo số 666-TB/TU do Sở Nội vụ chuyển đến 01 hồ sơ và đăng ký dự tuyển vào vị trí giáo viên tiểu học, trường Tiểu học số 2 Võ Ninh (Hồ sơ tham gia tuyển dụng theo quy định tại Điều 9, Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ)

**4.2. Hình thức:** Xét tuyển

#### **\* Nội dung xét tuyển:**

**a/ Việc xét tuyển thực hiện như sau:**

- Xét kết quả học tập bao gồm điểm học tập và điểm tốt nghiệp của người dự tuyển.

- Kiểm tra, sát hạch thông qua phỏng vấn (hoặc thực hành) về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển (tính theo thang điểm 100)

**b/ Nội dung phỏng vấn (hoặc thực hành)** được thông báo công khai để người dự tuyển biết, cụ thể:

#### **\* Về trình độ hiểu biết chung:**

- Luật Viên chức năm 2010;

- Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26/02/2007 của Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương;

#### **\* Về trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:**

- Đối với vị trí việc làm giáo viên THCS:

+ Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

+ Thông tư số 30/2009/TT-BGDĐT ngày 22/10/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, giáo viên trung học phổ thông;

+ Kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí tuyển dụng.

- *Đối với vị trí việc làm giáo viên Tiểu học:*

+ Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường Tiểu học;

+ Quyết định số 14/2007/QĐ-BGDĐT ngày 04/5/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học;

+ Kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí tuyển dụng.

- *Đối với vị trí việc làm giáo viên Mầm non:*

+ Văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BGDĐT ngày 13/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Mầm non;

+ Quyết định số 02/2008/QĐ-BGDĐT ngày 22/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non;

+ Kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí tuyển dụng.

- *Đối với vị trí việc làm viên chức văn phòng (y tế học đường):*

+ Thông tư liên tịch số 18/2011/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 28/4/2011 của Bộ Giáo dục-Đào tạo và Bộ Y tế quy định các nội dung đánh giá công tác y tế tại các trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

+ Quyết định số 73/2007/QĐ-BGDĐT ngày 04/12/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hoạt động y tế trong các trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

+ Quyết định số 58/2008/QĐ-BGDĐT ngày 17/10/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về hoạt động y tế trong các cơ sở giáo dục mầm non.

+ Kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí tuyển dụng.

- *Đối với vị trí việc làm viên chức Bảo vệ rừng:*

+ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng số 29/2004/QH11 ngày 03/12/2004.

+ Nghị định số 09/2006/NĐ-CP ngày 16/01/2006 của Chính phủ quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng.

+ Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ Quy định về Quản lý và danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp quý hiếm.

+ Thông tư số 34/2009/TT-BNNPTNT ngày 10/6/2009 của Bộ Nông nghiệp & PTNT quy định tiêu chí xác định và phân loại rừng.

+ Kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo.

- *Đối với vị trí việc làm viên chức Kỹ thuật quản lý, giám sát công trình, Ban quản lý dự án xây dựng huyện:*

+ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

+ Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

- + Kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo.
- *Đối với vị trí việc làm viên chức kỹ thuật, Ban QL các CTCC huyện:*
- + Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- + Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- + Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược; đánh giá tác động môi trường; cam kết bảo vệ môi trường;
- + Kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo.
- *Đối với vị trí việc làm viên chức phụ trách Hội họa tại Trung tâm VH TT huyện:*
- + Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật;
- + Thông tư số 18/2013/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều tại Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ;
- + Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước;
- + Kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo.
- *Đối với vị trí việc làm viên chức quay camera dựng phim, trực máy, phát thanh viên tại Đài truyền thanh huyện:*
- + Luật Báo chí ngày 28 tháng 12 năm 1989;
- + Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí ngày 12 tháng 6 năm 1999;
- + Nghị định số 51/2002/NĐ-CP ngày 26/4/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Báo chí và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí.

+ Kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo.

## **5. Cách tính điểm và xác định người trúng tuyển.**

**5.1. Tuyển chọn theo Thông báo số 666-TB/TU ngày 03/4/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy:**

### **5.1.1. Cách tính điểm:**

a/ Điểm học tập được xác định bằng trung bình cộng kết quả các môn học trong toàn bộ quá trình học tập của người dự xét tuyển ở trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí dự tuyển và được quy đổi theo thang điểm 100, tính hệ số 1.

b/ Điểm tốt nghiệp được xác định bằng trung bình cộng kết quả các môn thi tốt nghiệp hoặc điểm bảo vệ luận văn của người dự xét tuyển và được quy đổi theo thang điểm 100, tính hệ số 1.

c/ Trường hợp người dự xét tuyển được đào tạo theo hệ thống tín chỉ thì điểm học tập đồng thời là điểm tốt nghiệp và được quy đổi theo thang điểm 100, tính hệ số 2.

d/ Điểm phỏng vấn (hoặc thực hành) được tính theo thang điểm 100 và tính hệ số 2.

đ/ Kết quả xét tuyển là tổng số điểm của điểm học tập, điểm tốt nghiệp, điểm phỏng vấn (hoặc thực hành) tính theo quy định tại Điểm a, Điểm b và Điểm d Mục này.

Trường hợp người dự xét tuyển được đào tạo theo hệ thống tín chỉ thì kết quả xét tuyển là tổng số điểm được tính tại Điểm c và Điểm d Mục này.

### **5.1.2. Xác định người trúng tuyển**

Người trúng tuyển là người có đủ phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với vị trí, điều kiện tiêu chuẩn theo quy định, có kết quả điểm kiểm tra, sát hạch đạt từ 50 điểm trở lên.

## **5.2. Xét tuyển theo quy định hiện hành:**

### **5.2.1. Cách tính điểm**

a/ Điểm học tập được xác định bằng trung bình cộng kết quả các môn học trong toàn bộ quá trình học tập của người dự xét tuyển ở trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí dự tuyển và được quy đổi theo thang điểm 100, tính hệ số 1.

b/ Điểm tốt nghiệp được xác định bằng trung bình cộng kết quả các môn thi tốt nghiệp hoặc điểm bảo vệ luận văn của người dự xét tuyển và được quy đổi theo thang điểm 100, tính hệ số 1.

c/ Trường hợp người dự xét tuyển được đào tạo theo hệ thống tín chỉ thì điểm học tập đồng thời là điểm tốt nghiệp và được quy đổi theo thang điểm 100, tính hệ số 2.

d/ Điểm phỏng vấn (hoặc thực hành) được tính theo thang điểm 100 và tính hệ số 2.

đ/ Kết quả xét tuyển là tổng số điểm của điểm học tập, điểm tốt nghiệp, điểm phỏng vấn (hoặc thực hành) tính theo quy định tại Điểm a, Điểm b và Điểm d Mục này.

Trường hợp người dự xét tuyển được đào tạo theo hệ thống tín chỉ thì kết quả xét tuyển là tổng số điểm được tính tại Điểm c và Điểm d Mục này.

### **5.2.2. Xác định người trúng tuyển**

a/ Người trúng tuyển là: người có đủ phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với vị trí, điều kiện tiêu chuẩn theo quy định, có điểm học tập, điểm tốt nghiệp và điểm phỏng vấn (hoặc thực hành) đạt từ 50 điểm trở lên và có kết quả xét tuyển cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

Đối với các vị trí việc làm của các đơn vị đăng ký tuyển dụng có cùng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thì Hội đồng tuyển dụng xét trúng tuyển chung cho tất cả các đơn vị đó, sau đó phân bổ theo chỉ tiêu kế hoạch. Việc phân bổ do Ủy ban nhân dân huyện xem xét nguyện vọng đăng ký của người trúng tuyển, trên cơ sở hộ khẩu thường trú và một số điều kiện khác của người trúng tuyển.

Trường hợp trong cùng vị trí việc làm mà các đối tượng đăng ký tuyển dụng có các bậc đào tạo khác nhau: Tiến sỹ, thạc sỹ, đại học, cao đẳng, trung cấp thì xét trúng tuyển theo thứ tự: Lấy tiến sỹ trước, đến thạc sỹ, đến đại học, đến cao đẳng, đến trung cấp và thực hiện theo nguyên tắc trên.

b/ Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả xét tuyển bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có điểm phỏng vấn (hoặc thực hành) cao hơn là người trúng tuyển; nếu điểm phỏng vấn (hoặc thực hành) bằng nhau thì Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên xét những người là: Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động; thương binh; người hưởng chính sách như thương binh; con liệt sỹ; con thương binh; con của người hưởng chính sách như thương binh; người dân tộc ít người; đội viên thanh niên xung phong; đội viên tri thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ; người hoàn thành nghĩa vụ quân sự; người dự tuyển là nữ. Trường hợp vẫn chưa xác định được người trúng tuyển thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền trực tiếp phỏng vấn và quyết định người trúng tuyển.

### **5.3. Thứ tự tuyển dụng:**

Căn cứ vào hồ sơ đăng ký dự tuyển vào từng vị trí việc làm cần tuyển, Hội đồng tuyển dụng sẽ tiến hành tuyển chọn viên chức theo Thông báo số 666-TB/TU ngày 03/4/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Nếu không có người đủ điều kiện tuyển chọn mới tiến hành xét tuyển các hồ sơ còn lại theo hình thức xét tuyển theo quy định hiện hành.

### **6. Hồ sơ dự tuyển, bao gồm:**

- a) Đơn đăng ký dự tuyển viên chức theo mẫu quy định;
- b) Bản sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;
- c) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí dự tuyển, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt;
- d) Giấy chứng nhận sức khỏe còn giá trị sử dụng do cơ quan y tế đủ điều kiện được khám sức khỏe chứng nhận theo quy định tại Thông tư số 13/2007/TT-BYT ngày 21 tháng 11 năm 2007 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn khám sức khỏe;
- đ) Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có) được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực.

e) 02 ảnh 4x6 và 02 phong bì có dán tem, ghi rõ địa chỉ người nhận, số điện thoại.

Toàn bộ hồ sơ đựng trong phong bì kích thước 25cm x 30cm. Hồ sơ dự tuyển không trả lại.

**7. Lệ phí xét tuyển:** Vận dụng Thông tư liên tịch số 163/2010/TTLT-BTC-BNV ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính -Bộ Nội vụ về hướng dẫn mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dự thi tuyển và phí dự thi nâng ngạch công chức, viên chức.

Mức thu: 150.000 đồng/thí sinh

### **8. Thời gian, các bước thực hiện:**

- Sau khi có ý kiến thẩm định Kế hoạch tuyển dụng của Sở Nội vụ, Chủ tịch UBND huyện quyết định thành lập Ban giám sát kỳ tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng (05 – 07 thành viên); tổ giúp việc; thông báo công khai kế hoạch tuyển dụng theo quy định, niêm yết công khai lịch trình hoạt động của Hội đồng tuyển dụng tại UBND huyện.

- Căn cứ kết quả xét tuyển và đề nghị của Hội đồng tuyển dụng, Chủ tịch UBND huyện quyết định công nhận kết quả tuyển dụng, công nhận trúng tuyển viên chức, chỉ đạo việc bố trí công tác và ký hợp đồng làm việc với viên chức trúng tuyển theo quy định của pháp luật và theo phân cấp quản lý.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Phòng Nội vụ tham mưu thành lập Ban Giám sát, Hội đồng tuyển dụng, các Ban và Tổ giúp việc cho Hội đồng tuyển dụng; tham mưu UBND huyện các quy trình, thủ tục tuyển dụng theo quy định hiện hành; thu hồ sơ và bàn giao toàn bộ hồ sơ cho Hội đồng.

2. Các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm cử công chức, viên chức tham gia vào Ban Giám sát, Hội đồng tuyển dụng, các Ban và Tổ giúp việc cho Hội đồng tuyển dụng theo quyết định của Chủ tịch UBND huyện và của Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng. *nh*

#### **Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng Nội vụ huyện;
- Phòng GD-ĐT;
- Các đvị liên quan;
- Lưu: NV, VT. *nh*



**Nguyễn Viết Ánh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **TỔNG HỢP**

### **SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP VÀ NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC ĐỢT 2 NĂM 2014**

*(Kèm theo Kế hoạch tuyển dụng viên chức số 61 /KH-UBND ngày 29/9/2014  
của Ủy ban nhân dân huyện Quảng Ninh)*

<b>TT</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Số lượng người làm việc được giao năm 2014</b>	<b>Số lượng người làm việc hiện có đến ngày 01/8</b>	<b>Số lượng người làm việc còn chưa tuyển dụng</b>	<b>Đăng ký tuyển dụng</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Ban Quản lý DA Xây dựng huyện	22	15	7	1	
2	Ban QLRPH Ba Rền	19	18	1	1	
3	Đài Truyền thanh	7	5	2	1	
4	BQL các CT công cộng	26	25	1	1	
5	Trung tâm VH TT	9	8	1	1	
6	THCS Vạn Ninh	31	27	4	2	
7	THCS An Ninh	41	39	2	1	
8	THCS Xuân Ninh	44	43	1	1	
9	THCS BT Trường Sơn	27	25	2	1	
10	TH số 1 Gia Ninh	23	19	4	2	
11	TH số 2 Gia Ninh	21	15	6	4	
12	TH số 1 Võ Ninh	27	22	5	2	
13	TH số 2 Võ Ninh	21	15	6	4	
14	TH Duy Ninh	32	28	4	2	
15	TH Hàm Ninh	25	19	6	3	
16	TH Hải Ninh	37	32	5	2	
17	TH số 2 Vạn Ninh	17	13	4	3	
18	TH số 1 An Ninh	21	17	4	2	
19	TH số 2 An Ninh	29	21	8	4	
20	TH số 1 Xuân Ninh	23	20	3	2	
21	TH Long Sơn	31	26	5	2	

22	MN Gia Ninh	36	26	10	8	
23	MN Võ Ninh	40	30	10	8	
24	MN Duy Ninh	32	21	11	8	
25	MN Hàm Ninh	28	17	11	8	
26	MN Hải Ninh	34	22	12	10	
27	MN Lương Ninh	30	22	8	7	
28	MN Vĩnh Ninh	36	29	7	5	
29	MN Hoa Sen	29	24	5	4	
30	MN Vạn Ninh	34	25	9	8	
31	MN An Ninh	40	32	8	6	
32	MN Tân Ninh	32	26	6	5	
33	MN Xuân Ninh	32	25	7	6	
34	MN Hiền Ninh	32	22	10	9	
35	MN Trường Sơn	32	27	5	4	
	<b>Tổng cộng:</b>			<b>200</b>	<b>138</b>	

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Viết Ánh**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP VỊ TRÍ VIỆC LÀM, TIÊU CHUẨN CHỨC DANH  
NGHỀ NGHIỆP ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC ĐỢT 2 NĂM 2014**  
(Kèm theo Kế hoạch tuyển dụng viên chức số 61/KH-UBND  
ngày 29/9 /2014 của UBND huyện Quảng Ninh)

Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp, Mã số ngạch viên chức	Chỉ tiêu tuyển dụng	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu			
				Trình độ CM, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Điều kiện khác
CQ01	Viên chức, hạng III, 17.177	1	Viên chức phụ trách Hội họa tại TTVHTT	Đại học trở lên ngành Mỹ thuật ứng dụng	B	Anh B	
CQ02	Viên chức, hạng III, 17.150; hạng IV, 17a.212	1	Viên chức quay camera dựng phim, trực máy, phát thanh viên tại Đài truyền thanh huyện	Cao đẳng trở lên ngành Công nghệ Điện ảnh-Truyền hình	B	Anh B	Giới tính Nam
CQ03	Viên chức, hạng IV, 10.228; hạng IV, 10.227; hạng III, 10.226	1	Viên chức Bảo vệ rừng, Ban quản lý RPH Ba Rền	Trung cấp trở lên chuyên ngành Kiểm lâm	A	Anh A	Giới tính Nam
CQ04	Viên chức, hạng III, 13.095	1	Viên chức Kỹ thuật quản lý, giám sát công trình, BQL Dự án xây dựng huyện	Đại học trở lên ngành Xây dựng Cầu đường có chứng chỉ hành nghề Giám sát thi công xây dựng	B	Anh B	Giới tính Nam
CQ05	Viên chức, hạng III, 13.095	1	Viên chức kỹ thuật, Ban QL các CTCC huyện	Đại học trở lên ngành Công nghệ môi trường	B	Anh B	
CS01	Giáo viên THCS, hạng III, 15a.201; hạng IV, 15.113	1	Giáo viên dạy Toán-Tin, Trường THCS Vạn Ninh	Cao đẳng trở lên ngành sư phạm Toán-Tin hoặc ngành Toán-Tin có chứng chỉ sư phạm	A	Anh A	
CS02	Giáo viên THCS, hạng III, 15a.201; hạng IV, 15.113	1	Giáo viên dạy Toán, Trường THCS An Ninh	Cao đẳng trở lên các ngành sư phạm: Toán; Toán-Lý; Toán-Tin hoặc ngành Toán-Tin có chứng chỉ sư phạm	A	Anh A	
CS03	Giáo viên THCS, hạng III, 15a.201; hạng IV, 15.113	1	Giáo viên dạy Toán, Trường THCS Xuân Ninh	Cao đẳng trở lên các ngành sư phạm: Toán; Toán-Lý	A	Anh A	
CS04	Giáo viên THCS, hạng III, 15a.201; hạng IV, 15.113	1	Giáo viên dạy Lý, Trường THCS Vạn Ninh	Cao đẳng trở lên ngành sư phạm Vật lý	A	Anh A	

TH01	Giáo viên tiểu học, hạng III, 15a.203; hạng IV, 15a.204; hạng IV, 15.114	1	Giáo viên dạy tiểu học, Trường TH số 1 Gia Ninh	Trung cấp trở lên ngành Sư phạm Tiểu học	A	Anh A	
TH02	Giáo viên tiểu học, hạng III, 15a.203; hạng IV, 15a.204; hạng IV, 15.114	2	Giáo viên dạy tiểu học, Trường TH số 2 Gia Ninh	Trung cấp trở lên ngành Sư phạm Tiểu học	A	Anh A	
TH03	Giáo viên tiểu học, hạng III, 15a.203; hạng IV, 15a.204; hạng IV, 15.114	1	Giáo viên dạy tiểu học, Trường TH số 1 Võ Ninh	Trung cấp trở lên ngành Sư phạm Tiểu học	A	Anh A	
TH04	Giáo viên tiểu học, hạng III, 15a.203; hạng IV, 15a.204; hạng IV, 15.114	3	Giáo viên dạy tiểu học, Trường TH số 2 Võ Ninh	Trung cấp trở lên ngành Sư phạm Tiểu học	A	Anh A	Tuyển 01 chỉ tiêu theo TB 666
TH05	Giáo viên tiểu học, hạng III, 15a.203; hạng IV, 15a.204; hạng IV, 15.114	1	Giáo viên dạy tiểu học, Trường TH Duy Ninh	Trung cấp trở lên ngành Sư phạm Tiểu học	A	Anh A	
TH06	Giáo viên tiểu học, hạng III, 15a.203; hạng IV, 15a.204; hạng IV, 15.114	2	Giáo viên dạy tiểu học, Trường TH Hàm Ninh	Trung cấp trở lên ngành Sư phạm Tiểu học	A	Anh A	
TH07	Giáo viên tiểu học, hạng III, 15a.203; hạng IV, 15a.204; hạng IV, 15.114	2	Giáo viên dạy tiểu học, Trường TH Hải Ninh	Trung cấp trở lên ngành Sư phạm Tiểu học	A	Anh A	
TH08	Giáo viên tiểu học, hạng III, 15a.203; hạng IV, 15a.204; hạng IV, 15.114	2	Giáo viên dạy tiểu học, Trường TH số 1 An Ninh	Trung cấp trở lên ngành Sư phạm Tiểu học	A	Anh A	
TH09	Giáo viên tiểu học, hạng III, 15a.203; hạng IV, 15a.204; hạng IV, 15.114	3	Giáo viên dạy tiểu học, Trường TH số 2 An Ninh	Trung cấp trở lên ngành Sư phạm Tiểu học	A	Anh A	
TH10	Giáo viên tiểu học, hạng III, 15a.203; hạng IV, 15a.204; hạng IV, 15.114	1	Giáo viên dạy tiểu học, Trường TH số 1 Xuân Ninh	Trung cấp trở lên ngành Sư phạm Tiểu học	A	Anh A	
TH11	Giáo viên tiểu học, hạng III, 15a.203; hạng IV, 15a.204; hạng IV, 15.114	2	Giáo viên dạy tiểu học, Trường TH Long Sơn	Trung cấp trở lên ngành Sư phạm Tiểu học	A	Anh A	
TH12	Giáo viên tiểu học, hạng III, 15a.203; hạng IV, 15a.204; hạng IV, 15.114	1	Giáo viên dạy Mỹ thuật, Trường TH số 2 Gia Ninh	Trung cấp trở lên ngành Sư phạm Tiểu học-Họa	A	Anh A	

TH13	Giáo viên tiểu học, hạng III, 15a.203; hạng IV, 15a.204; hạng IV, 15.114	1	Giáo viên dạy Mỹ thuật, Trường TH số 2 Vạn Ninh	Trung cấp trở lên ngành Sư phạm Tiểu học-Họa	A	Anh A	
TH14	Giáo viên tiểu học, hạng III, 15a.203; hạng IV, 15a.204; hạng IV, 15.114	1	Giáo viên dạy Mỹ thuật, Trường TH số 2 An Ninh	Trung cấp trở lên ngành Sư phạm Tiểu học-Họa hoặc Sư phạm Mỹ thuật	A	Anh A	
TH15	Giáo viên tiểu học, hạng III, 15a.203; hạng IV, 15a.204; hạng IV, 15.114	1	Giáo viên dạy Nhạc kiêm Đoàn đội, Trường TH số 1 Võ Ninh	Trung cấp trở lên ngành Sư phạm Nhạc-Đội hoặc Sư phạm Âm nhạc có chứng chỉ Đoàn đội	A	Anh A	
TH16	Giáo viên tiểu học, hạng III, 15a.203; hạng IV, 15a.204	1	Giáo viên dạy Anh văn, Trường TH số 1 Gia Ninh	Cao đẳng trở lên hệ chính quy ngành Sư phạm Tiếng Anh hoặc ngành Tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh có chứng chỉ sư phạm	B		
TH17	Giáo viên tiểu học, hạng III, 15a.203; hạng IV, 15a.204	1	Giáo viên dạy Anh văn, Trường TH số 2 Võ Ninh	Cao đẳng trở lên hệ chính quy ngành Sư phạm Tiếng Anh hoặc ngành Tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh có chứng chỉ sư phạm	B		
TH18	Giáo viên tiểu học, hạng III, 15a.203; hạng IV, 15a.204	1	Giáo viên dạy Anh văn, Trường TH Duy Ninh	Cao đẳng trở lên hệ chính quy ngành Sư phạm Tiếng Anh hoặc ngành Tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh có chứng chỉ sư phạm	B		
TH19	Giáo viên tiểu học, hạng III, 15a.203; hạng IV, 15a.204	1	Giáo viên dạy Anh văn, Trường TH Hàm Ninh	Cao đẳng trở lên hệ chính quy ngành Sư phạm Tiếng Anh hoặc ngành Tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh có chứng chỉ sư phạm	B		
TH20	Giáo viên tiểu học, hạng III, 15a.203; hạng IV, 15a.204	1	Giáo viên dạy Anh văn, Trường TH số 2 Vạn Ninh	Cao đẳng trở lên hệ chính quy ngành Sư phạm Tiếng Anh hoặc ngành Tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh có chứng chỉ sư phạm	B		
TH21	Giáo viên tiểu học, hạng III, 15a.203; hạng IV, 15a.204	1	Giáo viên dạy Anh văn, Trường TH số 1 Xuân Ninh	Cao đẳng trở lên hệ chính quy ngành Sư phạm Tiếng Anh hoặc ngành Tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh có chứng chỉ sư phạm	B		

MN01	Giáo viên mầm non, hạng III, 15a.206; hạng IV, 15a.205; hạng IV, 15.115	8	Giáo viên dạy trường mầm non Gia Ninh	Trung cấp trở lên ngành Sư phạm Mầm non	A	Anh A
MN02	Giáo viên mầm non, hạng III, 15a.206; hạng IV, 15a.205; hạng IV, 15.115	8	Giáo viên dạy trường mầm non Võ Ninh	Trung cấp trở lên ngành Sư phạm Mầm non	A	Anh A
MN03	Giáo viên mầm non, hạng III, 15a.206; hạng IV, 15a.205; hạng IV, 15.115	8	Giáo viên dạy trường mầm non Duy Ninh	Trung cấp trở lên ngành Sư phạm Mầm non	A	Anh A
MN04	Giáo viên mầm non, hạng III, 15a.206; hạng IV, 15a.205; hạng IV, 15.115	8	Giáo viên dạy trường mầm non Hàm Ninh	Trung cấp trở lên ngành Sư phạm Mầm non	A	Anh A
MN05	Giáo viên mầm non, hạng III, 15a.206; hạng IV, 15a.205; hạng IV, 15.115	10	Giáo viên dạy trường mầm non Hải Ninh	Trung cấp trở lên ngành Sư phạm Mầm non	A	Anh A
MN06	Giáo viên mầm non, hạng III, 15a.206; hạng IV, 15a.205; hạng IV, 15.115	7	Giáo viên dạy trường mầm non Lương Ninh	Trung cấp trở lên ngành Sư phạm Mầm non	A	Anh A
MN07	Giáo viên mầm non, hạng III, 15a.206; hạng IV, 15a.205; hạng IV, 15.115	5	Giáo viên dạy trường mầm non Vĩnh Ninh	Trung cấp trở lên ngành Sư phạm Mầm non	A	Anh A
MN08	Giáo viên mầm non, hạng III, 15a.206; hạng IV, 15a.205; hạng IV, 15.115	4	Giáo viên dạy trường mầm non Hoa Sen	Trung cấp trở lên ngành Sư phạm Mầm non	A	Anh A
MN09	Giáo viên mầm non, hạng III, 15a.206; hạng IV, 15a.205; hạng IV, 15.115	8	Giáo viên dạy trường mầm non Vạn Ninh	Trung cấp trở lên ngành Sư phạm Mầm non	A	Anh A
MN10	Giáo viên mầm non, hạng III, 15a.206; hạng IV, 15a.205; hạng IV, 15.115	6	Giáo viên dạy trường mầm non An Ninh	Trung cấp trở lên ngành Sư phạm Mầm non	A	Anh A
MN11	Giáo viên mầm non, hạng III, 15a.206; hạng IV, 15a.205; hạng IV, 15.115	4	Giáo viên dạy trường mầm non Tân Ninh	Trung cấp trở lên ngành Sư phạm Mầm non	A	Anh A
MN12	Giáo viên mầm non, hạng III, 15a.206; hạng IV, 15a.205; hạng IV, 15.115	6	Giáo viên dạy trường mầm non Xuân Ninh	Trung cấp trở lên ngành Sư phạm Mầm non	A	Anh A

MN13	Giáo viên mầm non, hạng III, 15a.206; hạng IV, 15a.205; hạng IV, 15.115	9	Giáo viên dạy trường mầm non Hiền Ninh	Trung cấp trở lên ngành Sư phạm Mầm non	A	Anh A
MN14	Giáo viên mầm non, hạng III, 15a.206; hạng IV, 15a.205; hạng IV, 15.115	4	Giáo viên dạy trường mầm non Trường Sơn	Trung cấp trở lên ngành Sư phạm Mầm non	A	Anh A
YT01	Viên chức Y tế học đường, hạng IV, 16.119	1	Viên chức y tế học đường, Trường THCS BT Trường Sơn	Trung cấp trở lên các ngành: Y sỹ Đa Khoa; Y sỹ Nha khoa; Điều dưỡng hoặc Trung cấp Hộ sinh đã được chuyển đổi sang Trung cấp Điều dưỡng	A	Anh A
YT02	Viên chức Y tế học đường 16.119	1	Viên chức y tế học đường, Trường TH số 2 Gia Ninh	Trung cấp trở lên các ngành: Y sỹ Đa Khoa; Y sỹ Nha khoa; Điều dưỡng	A	Anh A
YT03	Viên chức Y tế học đường 16.119	1	Viên chức y tế học đường, Trường TH số 2 Vạn Ninh	Trung cấp trở lên các ngành: Y sỹ Đa Khoa; Y sỹ Nha khoa; Điều dưỡng	A	Anh A
YT04	Viên chức Y tế học đường 16.119	1	Viên chức y tế học đường, Trường Mầm non Tân Ninh	Trung cấp trở lên các ngành: Y sỹ Đa Khoa; Y sỹ Nha khoa; Điều dưỡng	A	Anh A
<b>Tổng số</b>		<b>138</b>				

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Viết Ánh**